TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/HS-ST
Ngày 30/05/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tống Thị Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2019/TLST-HS ngày 06/05/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-HS ngày 13/05/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung T**; Tên gọi khác: Nguyễn Thanh P, Trần Văn P, Nguyễn Tuấn H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 02 năm 1991, Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 06/12; Tiền án: 02; tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1945; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1947; Trú tại: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có hai chị em, Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

Nhân thân:

Ngày 20/9/2010 bị bị Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tại Bản án số: 535/2010/HSPT. Ngày 09/3/2011 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 02/7/2015 bị Công an thành phố B1, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định tạm giữ 09 ngày, về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 11/7/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1 ra Quyết định trả tự do; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, do chưa xác định được bị hại.

Ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân Quận T, thành phố H, xét xử 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tại Bản án số: 477/2016/HSST. Ngày 8/3/2017 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 28/6/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 10 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tại Bản án số 246/2017/HSST. Ngày 29/01/2018, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương cư trú, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 11/02/2019, phạm tội Trộm cắp tài sản, bị tạm giữ. Ngày 14/02/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 14/02/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Anh Lê Viết H1, sinh năm 1985; Trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; Trú tại: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người chứng kiến:***

Ông Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1973; Trú tại: TDP 4, Thị Trấn K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung T là đối tượng nghiện ma túy, đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/02/2019, H3 (chưa rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô, loại xe tay ga, màu đen (chưa xác định được biển số), chở T đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố B, tìm người dân nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi T và H3 đi đến nhà ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969, địa chỉ: phường T1, thành phố B, thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô, hiệu Novo, màu đen, biển số: 47B2- 397.83, của anh Lê Viết H (sinh năm: 1985, trú tại: phường T, thành phố B), đang để tại sân nhà

ông L. Trên gác ba ga xe mô tô của anh H1 có để: 01 túi xách màu xanh trắng có dòng chữ Galaxy Note7 (loại ba lô có quai đeo bằng vải), bên trong có: 01 áo khoác nam màu đen có dòng chữ Adidas, 01 ví da màu đen có dòng chữ Lêvi, số tiền 2.200.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Viết H1. Thấy không có người trông coi, T xuống xe còn H3 ngồi trên xe đứng ngoài cảnh giới. T đi đến chiếc xe Novo, lén lút trộm cắp chiếc túi xách của anh H1 rồi tẩu thoát ra ngoài thì bị anh H1 và quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang, còn H3 đã chạy thoát. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã tạm giữ T cùng các tang vật chứng gồm: 01 túi xách màu xanh trắng, 01 áo khoác nam màu đen, 01 ví da màu đen, số tiền 2.200.000đồng và 01chứng minh nhân dân mang tên Lê Viết H1, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41/KLĐG ngày 15 tháng 02 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 túi xách màu xanh trắng, có dòng chữ Galaxy Note7, trị giá: 30.000đồng;

- 01 áo khoác bằng vải, màu đen, có ký hiệu Adidas, trị giá: 180.000đồng;

- 01 ví da nam, màu đen, có ký hiệu Lêvi, trị giá: 10.000đồng; Trị giá tài sản là: 220.000đồng.

Xác định tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp của anh Lê Viết H1 là 2.420.000đồng.

Quá trình điều tra xác định: 01 túi xách màu xanh trắng, 01 áo khoác nam màu đen, 01 ví da màu đen, số tiền 2.200.000đồng và 01 chứng minh nhân dân, là tài sản của anh Lê Viết H1. Ngày 03/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho anh H1 nhận quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: Bị cáo Nguyễn Trung T đã sử dụng các tên gọi khác là: Nguyễn Thanh P, Nguyễn Tuấn H và Trần Văn P, để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố B1, tỉnh Đồng Nai và Quận T, thành phố H. Ngày 8/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã Quyết định trưng cầu giám định dấu vết đường vân giữa Nguyễn Trung T với Nguyễn Thanh P, Nguyễn Tuấn H và Trần Văn P. Ngày 11/3/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Dấu vân tay trên các bản sao Danh bản, Chỉ bản số 074, đề tên: Nguyễn Thanh P, sinh ngày 5/2/1992, địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, lập ngày 15/3/2010 tại Công an Quận T (A1), bản sao Danh bản, Chỉ bản sô 676/15, đề tên Trần Văn P sinh năm: 1991, địa chỉ thường trú: Xóm 6, Hưng T, Hưng N, tỉnh Nghệ An, lập ngày: 8/7/2015 tại Công an thành phố B1 (A2) và bản sao Danh bản, Chỉ bản số 407, đề tên Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1991, địa chỉ thường trú: Xóm 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, lập ngày 10/6/2016, tại Quận T, thành phố H (A3) với dấu vân tay trên Danh bản, chỉ bản số 76, đề tên: Nguyễn Trung T, sinh ngày:

05/2/1991, địa chỉ thường trú: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, lập ngày 12/2/2019 tại Công an thành phố B (M) là của cùng một người.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Nguyễn Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS BMT ngày 06/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, để tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và xử phạt bị cáo từ 2 (hai) năm 6 tháng đến 3 (ba) năm tù.

Đối với đối tượng tên H3 điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Trung T đi trộm cắp tài sản. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, là phù hợp, đề nghị chấp nhận.

*** Về xử lý vật chứng:**

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Viết H1 các tài sản gồm: 01 túi xách màu xanh trắng, 01 áo khoác nam màu đen, 01 ví da màu đen, số tiền 2.200.000đồng và 01 chứng minh nhân dân, nhận quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã, thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trung T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và phù hợp với các tài liệu,chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn thu lợi bất chính để có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Nguyễn Trung T đã lén lút chiếm đoạt của anh Lê Viết H1, tổng trị giá tài sản là 2.420.000đồng gồm:

- 01 túi xách màu xanh trắng, có dòng chữ Galaxy Note7, trị giá: 30.000đồng;

- 01 áo khoác bằng vải, màu đen, có ký hiệu Adidas, trị giá: 180.000đồng;

- 01 ví da nam, màu đen, có ký hiệu Lêvi, trị giá: 10.000đồng; Trị giá tài sản là: 220.000đồng.

Và 2.200.000đồng tiền mặt.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T, thực hiện đã có đủ các yếu tố cấu T tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

g) Tái phạm nguy hiểm".

* Xét tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Trung T đã thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, bị cáo biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Năm 2016 và năm 2017 bị cáo phạm tội "Trộm cắp, đã chấp hành hình phạt nhưng chưa được xóa án tích", bị cáo không chịu sửa chữa, rèn luyện bản thân để trở T tốt, có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với

bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội thuộc trường hợp định khung tăng nặng. Do vậy, bị cáo Nguyễn Trung T, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội gây thiệt hại không lớn và trong quá trình xét xử tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

* Hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, truy tố về tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

* Đối với đối tượng tên H3 điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Trung T đi trộm cắp tài sản. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trao trả cho chủ sở hữu là anh Lê Viết H1 các tài sản gồm: 01 túi xách màu xanh trắng, 01 áo khoác nam màu đen, 01 ví da màu đen, số tiền 2.200.000đồng và 01 chứng minh nhân dân, nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung T, phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điểm h,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T, 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 14/02/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trao trả cho chủ sở hữu là anh Lê Viết H1 các tài sản gồm: 01 túi xách màu xanh trắng, 01 áo khoác nam màu đen, 01 ví da màu đen, số tiền 2.200.000đồng và 01 chứng minh nhân dân, nhận quản lý, sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/03/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B với Lê Viết H1).

* Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tách đối tượng tên H3 ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1- TANDTC;
- TAND Tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP.B;
- Công an TP. B;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- CC THADS TP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An